

BẢNG ĐIỂM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT C HẢI HẬU NĂM HỌC 2026 - 2027

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
1	810001	BÙI HOÀI AN	Nữ	18/06/2011	THCS Hải Hậu	Phòng 1	8.00	8.00	8.70	0.00	0.00	24.70
2	810002	CAO KỶ AN	Nữ	17/03/2011	THCS Cồn	Phòng 1	7.75	8.75	8.45	0.00	0.00	24.95
3	810003	ĐOÀN THỊ THÁI AN	Nữ	14/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 1	9.00	8.25	8.50	0.00	0.00	25.75
4	810004	PHẠM THÀNH AN	Nam	16/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 1	9.50	7.75	6.35	0.00	0.00	23.60
5	810005	TRẦN QUỐC AN	Nam	17/04/2011	THCS Hải Phương	Phòng 1	6.75	8.00	5.85	0.00	0.00	20.60
6	810006	VŨ TRƯỜNG AN	Nam	02/06/2011	THCS Hải Phương	Phòng 1	8.50	7.50	7.55		0.00	23.55
7	810007	BÙI THỊ KIỀU ANH	Nữ	16/07/2011	THCS Hải Đông	Phòng 1	8.75	8.25	6.85	0.00	0.00	23.85
8	810008	DƯƠNG NGUYỄN HOÀI ANH	Nữ	11/07/2011	THCS Cồn	Phòng 1	8.00	8.50	8.35	0.00	0.00	24.85
9	810009	ĐOÀN PHƯƠNG ANH	Nữ	02/12/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 1	8.25	8.50	7.50	0.00	0.00	24.25
10	810010	ĐỖ DIỆP ANH	Nữ	24/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI TÂY	Phòng 1	8.00	8.50	6.50	0.00	0.00	23.00
11	810011	ĐỖ PHƯƠNG ANH	Nữ	24/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI TÂY	Phòng 1	8.50	8.25	7.75	0.00	0.00	24.50
12	810012	ĐỖ TUẤN ANH	Nam	31/05/2011	THCS Hải Đông	Phòng 1	8.00	8.00	8.50	0.00	0.00	24.50
13	810013	LÊ NGỌC ANH	Nữ	19/06/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 1	6.00	6.75	5.25	0.00	0.00	18.00
14	810014	LÊU DUY ANH	Nam	16/01/2011	THCS Hải Quang	Phòng 1	9.25	8.00	8.25	0.00	0.00	25.50
15	810015	LÊU PHƯƠNG ANH	Nữ	21/09/2011	THCS Hải Quang	Phòng 1	8.00	8.00	6.20	0.00	0.00	22.20
16	810016	MAI VŨ DIỆU ANH	Nữ	03/11/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 1	8.00	8.50	6.95	0.00	0.00	23.45
17	810017	NGUYỄN LAN ANH	Nữ	18/08/2011	THCS Cồn	Phòng 1	8.25	8.25	6.65	0.00	0.00	23.15
18	810018	NGUYỄN NGỌC CHÂM ANH	Nữ	03/09/2011	THCS Cồn	Phòng 1	7.00	8.00	7.40	0.00	0.00	22.40
19	810019	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	23/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 1	8.50	8.50	8.25	0.00	0.00	25.25
20	810020	NGUYỄN THẾ ANH	Nam	09/12/2011	THCS Hải Tân	Phòng 1	8.25	7.75	9.35	0.00	0.00	25.35
21	810021	NGUYỄN THỊ HÀ ANH	Nữ	17/11/2011	THCS Cồn	Phòng 1	8.50	9.00	9.15	0.00	0.00	26.65
22	810022	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	14/02/2011	THCS Hải Lý	Phòng 1	6.75	7.00	5.00	0.00	0.00	18.75
23	810023	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	06/09/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 1	8.50	8.50	8.40	0.00	0.00	25.40
24	810024	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	15/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 1	5.50	8.00	6.25	0.00	0.00	19.75
25	810025	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	18/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 2	9.25	8.75	7.80	0.00	0.00	25.80
26	810026	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	25/08/2011	THCS Hải Phương	Phòng 2	7.50	8.00	4.85	0.00	0.00	20.35
27	810027	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	05/09/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 2	8.50	8.50	7.15	0.00	0.00	24.15
28	810028	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	24/09/2011	THCS Hải Triều	Phòng 2	9.25	8.50	7.20	0.00	0.00	24.95
29	810029	NGUYỄN TRÂM ANH	Nữ	19/07/2011	THCS Hải Lý	Phòng 2	6.50	8.00	7.70	0.00	0.00	22.20
30	810030	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	06/04/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 2	7.50	7.75	3.25	0.00	0.00	18.50
31	810031	PHẠM DIỆP ANH	Nữ	09/03/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 2	8.50	8.00	8.60	0.00	0.00	25.10
32	810032	PHẠM MAI ANH	Nữ	19/12/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 2	9.00	8.25	8.35	0.00	0.00	25.60
33	810033	PHẠM THỊ MAI ANH	Nữ	15/03/2011	THCS Hải Tây	Phòng 2	8.50	8.50	8.35	0.00	0.00	25.35

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
34	810034	PHAN PHƯƠNG ANH	Nữ	22/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 2	7.75	8.75	7.15	0.00	0.00	23.65
35	810035	TIÊU VŨ MINH ANH	Nam	01/11/2011	THCS Cồn	Phòng 2	7.50	6.25	5.55	0.00	0.00	19.30
36	810036	TRẦN HOÀNG ANH	Nữ	27/05/2011	THCS Cồn	Phòng 2	8.00	7.75	7.75	0.00	0.00	23.50
37	810037	TRẦN PHƯƠNG ANH	Nữ	30/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 2	7.50	8.75	8.00	0.00	0.00	24.25
38	810038	TRẦN TUẤN ANH	Nam	25/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 2	9.00	8.00	6.70	0.00	0.00	23.70
39	810039	TRỊNH PHƯƠNG ANH	Nữ	29/09/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 2	8.50	8.50	8.55	0.00	0.00	25.55
40	810040	VŨ NGỌC ANH	Nữ	01/06/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 2	8.00	8.75	7.80	0.00	0.00	24.55
41	810041	VŨ THỊ KIM ANH	Nữ	23/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI TÂY	Phòng 2	7.50	8.00	6.40	0.00	0.00	21.90
42	810042	VŨ THỊ KIM ANH	Nữ	30/01/2011	THCS Hải Tân	Phòng 2	6.50	8.00	6.75	0.00	0.00	21.25
43	810043	VŨ THỊ TRÂM ANH	Nữ	10/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 2	9.00	8.50	8.70	0.00	0.00	26.20
44	810044	MAI NGỌC ÁNH	Nữ	31/03/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 2	8.50	8.25	9.10	0.00	0.00	25.85
45	810045	MAI THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	27/06/2011	THCS Hải Triều	Phòng 2	8.00	8.25	5.60	0.00	0.00	21.85
46	810046	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	16/03/2011	THCS Hải Quang	Phòng 2	8.50	8.50	7.65	0.00	0.00	24.65
47	810047	NGUYỄN GIA ẮN	Nam	13/03/2011	THCS Cồn	Phòng 2	8.00	8.25	7.95	0.00	0.00	24.20
48	810048	LẠI GIA BẢO	Nam	08/09/2011	THCS Cồn	Phòng 2	9.50	8.00	8.45	0.00	0.00	25.95
49	810049	LƯU ĐỖ BẢO BẢO	Nữ	13/04/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 3	4.75	7.50	5.50	0.00	0.00	17.75
50	810050	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	21/06/2011	THCS Cồn	Phòng 3	7.25	8.00	6.05	0.00	0.00	21.30
51	810051	PHẠM GIA BẢO	Nam	08/09/2011	THCS Hải Quang	Phòng 3	8.50	7.50	8.10	0.00	0.00	24.10
52	810052	PHẠM QUỐC BẢO	Nam	29/10/2011	THCS Cồn	Phòng 3	7.25	8.75	7.25	0.00	0.00	23.25
53	810053	VŨ HOÀNG GIA BẢO	Nam	17/03/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 3	8.50	8.50	7.80	0.00	0.00	24.80
54	810054	VŨ QUỐC BẢO	Nam	09/03/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 3	7.25	8.25	5.60	0.00	0.00	21.10
55	810055	NGUYỄN NGỌC BÍCH	Nữ	10/11/2011	THCS Hải Tân	Phòng 3	8.25	8.00	7.00	0.00	0.00	23.25
56	810056	VŨ THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	23/01/2011	THCS Hải Triều	Phòng 3	8.75	8.75	9.15	0.00	0.00	26.65
57	810057	NGUYỄN THANH BÌNH	Nam	21/11/2011	THCS Hải Tây	Phòng 3	8.25	6.75	6.60	0.00	0.00	21.60
58	810058	NGUYỄN TRẦN CHAPI	Nam	23/02/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 3	8.50	8.00	7.35	0.00	0.00	23.85
59	810059	NGUYỄN THỊ KIỀU CHÂM	Nữ	19/06/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 3	8.50	9.00	8.25	0.00	0.00	25.75
60	810060	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHÂM	Nữ	15/10/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 3	8.00	8.50	7.45	0.00	0.00	23.95
61	810061	TRẦN BÍCH CHÂM	Nữ	11/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 3	5.75	7.00	4.95	0.00	0.00	17.70
62	810062	ĐỖ THỊ QUỲNH CHI	Nữ	05/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 3	7.75	7.50	5.95	0.00	0.00	21.20
63	810063	HOÀNG THỊ KIỀU CHI	Nữ	03/11/2011	THCS Hải Đông	Phòng 3	7.50	8.00	6.75	0.00	0.00	22.25
64	810064	HOÀNG VŨ KIM CHI	Nữ	07/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 3	9.50	8.75	8.45	0.00	0.00	26.70
65	810065	MAI PHƯƠNG CHI	Nữ	16/09/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 3	8.75	8.75	8.70	0.00	0.00	26.20
66	810066	NGÔ MAI CHI	Nữ	05/05/2011	THCS Hải Phương	Phòng 3	8.00	6.50	6.55	0.00	0.00	21.05
67	810067	NGUYỄN NGỌC KHÁNH CHI	Nữ	21/10/2011	THCS Hải Lý	Phòng 3	9.00	8.75	8.70	0.00	0.00	26.45
68	810068	NGUYỄN THÙY CHI	Nữ	22/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 3	9.00	8.75	8.90	0.00	0.00	26.65

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
69	810069	PHẠM KHÁNH CHI	Nữ	16/06/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 3	8.50	8.75	9.05	0.00	0.00	26.30
70	810070	PHÙNG THỊ KIM CHI	Nữ	05/06/2011	THCS Hải Quang	Phòng 3	8.25	8.25	7.25	0.00	0.00	23.75
71	810071	TRẦN THỊ YẾN CHI	Nữ	02/01/2011	THCS Hải Triều	Phòng 3	9.00	9.00	5.95	0.00	0.00	23.95
72	810072	TRỊNH THỊ QUỲNH CHI	Nữ	31/08/2011	THCS Cồn	Phòng 3	9.25	8.25	9.10	0.00	0.00	26.60
73	810073	VŨ THỊ KIM CHI	Nữ	16/11/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 4	8.50	8.50	9.45	0.00	0.00	26.45
74	810074	TRẦN MINH CHIÊU	Nam	16/07/2011	THCS Hải Đông	Phòng 4	8.00	8.25	8.30	0.00	0.00	24.55
75	810075	PHẠM THÀNH DANH	Nam	16/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 4	9.25	8.25	6.80	0.00	0.00	24.30
76	810076	MAI THỊ DIỄM	Nữ	01/11/2011	THCS Hải Lý	Phòng 4	8.00	7.50	6.45	0.00	0.00	21.95
77	810077	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	Nữ	09/11/2011	THCS Hải Đông	Phòng 4	8.50	8.50	7.95	0.00	0.00	24.95
78	810078	PHẠM THỊ KIỀU DIỄM	Nữ	03/03/2011	THCS Hải Tây	Phòng 4	8.50	8.25	8.85	0.00	0.00	25.60
79	810079	ĐẶNG THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	24/02/2011	THCS Hải Phương	Phòng 4	8.50	8.50	8.10	0.00	0.00	25.10
80	810080	LÊ PHẠM HUYỀN DIỆP	Nữ	09/06/2011	THCS Hải Phương	Phòng 4	7.00	8.25	6.60	0.00	0.00	21.85
81	810081	NGÔ THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	02/09/2011	THCS Hải Tân	Phòng 4	7.00	7.50	7.25	0.00	0.00	21.75
82	810082	NGUYỄN THỊ KHÁNH DIỆP	Nữ	17/11/2011	THCS Hải Tân	Phòng 4	8.25	8.00	7.75	0.00	0.00	24.00
83	810083	PHAN NGỌC DIỆP	Nữ	15/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 4	8.25	8.25	6.65	0.00	0.00	23.15
84	810084	NGUYỄN HOÀNG DIỆU	Nữ	18/01/2011	THCS Hải Cường	Phòng 4	8.00	8.25	6.95	0.00	0.00	23.20
85	810085	NGUYỄN NGỌC BÍCH DIỆU	Nữ	24/12/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 4	9.00	8.75	8.40	0.00	0.00	26.15
86	810086	NINH THỊ HUYỀN DIỆU	Nữ	26/07/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 4	9.25	8.25	8.40	0.00	0.00	25.90
87	810087	PHẠM LÊ THÙY DIỆU	Nữ	12/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 4	8.50	6.75	7.05	0.00	0.00	22.30
88	810088	VŨ ĐỨC DIỆU	Nam	01/01/2011	THCS Hải Tân	Phòng 4	7.50	6.75	6.70	0.00	0.00	20.95
89	810089	NGUYỄN TRƯỜNG DOANH	Nam	13/01/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 4	8.50	8.50	6.95	0.00	0.00	23.95
90	810090	NGUYỄN MINH DU	Nam	25/10/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 4	8.50	8.00	7.75	0.00	0.00	24.25
91	810091	HOÀNG MINH DŨNG	Nam	26/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 4	7.50	7.50	7.95	0.00	0.00	22.95
92	810092	NGUYỄN ĐỨC ANH DŨNG	Nam	10/11/2011	THCS Cồn	Phòng 4	9.50	8.50	8.60	0.00	0.00	26.60
93	810093	NGUYỄN TẤN DŨNG	Nam	17/04/2011	THCS Hải Tây	Phòng 4	7.75	7.50	4.80	0.00	0.00	20.05
94	810094	VŨ CHÍ DŨNG	Nam	23/09/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 4	8.50	8.25	7.80	0.00	0.00	24.55
95	810095	HOÀNG ĐỨC DUY	Nam	16/02/2011	THCS Cồn	Phòng 4	7.25	8.00	6.70	0.00	0.00	21.95
96	810096	NGUYỄN QUANG DUY	Nam	27/06/2011	THCS Cồn	Phòng 4	9.50	8.75	7.10	0.00	0.00	25.35
97	810097	NGUYỄN VŨ DUY	Nam	08/09/2011	THCS Hải Triều	Phòng 5	8.50	8.25	5.45	0.00	0.00	22.20
98	810098	TRẦN TIẾN DUY	Nam	06/03/2011	THCS Cồn	Phòng 5	8.50	8.25	7.65	0.00	1.00	25.40
99	810099	VŨ ĐỨC DUY	Nam	06/08/2011	THCS Hải Quang	Phòng 5	8.50	6.75	6.85	0.00	0.00	22.10
100	810100	NGÔ PHƯƠNG DUYÊN	Nữ	04/11/2011	THCS Cồn	Phòng 5	8.75	8.75	8.50	0.00	0.00	26.00
101	810101	VŨ THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	05/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 5	9.00	8.25	6.60	0.00	0.00	23.85
102	810102	NGUYỄN HOÀNG THÙY DƯƠNG	Nữ	14/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 5	7.75	9.00	8.10	0.00	0.00	24.85
103	810103	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	22/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 5	8.50	7.75	8.00	0.00	0.00	24.25

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
104	810104	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	Nam	04/04/2011	THCS Hải Hậu	Phòng 5	6.75	8.75	9.75	0.00	0.00	25.25
105	810105	HOÀNG NGỌC ĐẠI	Nam	01/09/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 5	7.50	7.25	8.20	0.00	0.00	22.95
106	810106	NGUYỄN VĂN ĐẠI	Nam	25/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 5	9.00	8.75	7.20	0.00	0.00	24.95
107	810107	LÃ THỊ NGỌC ĐAN	Nữ	15/04/2011	THCS Cồn	Phòng 5	8.50	8.25	8.75	0.00	0.00	25.50
108	810108	MAI TIẾN ĐÀN	Nam	23/08/2011	THCS Hải Đông	Phòng 5	8.25	8.25	9.10	0.00	0.00	25.60
109	810109	MAI QUANG ĐẠT	Nam	14/02/2011	THCS Hải Đông	Phòng 5	8.25	8.25	8.10	0.00	0.00	24.60
110	810110	MAI QUANG ĐẠT	Nam	06/10/2011	THCS Hải Đông	Phòng 5	9.25	7.50	7.50	0.00	0.00	24.25
111	810111	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH ĐẠT	Nam	02/03/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 5	9.00	7.75	8.85	0.00	0.00	25.60
112	810112	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	04/05/2011	THCS Hải Tân	Phòng 5	8.75	8.25	8.75	0.00	0.00	25.75
113	810113	PHẠM TIẾN ĐẠT	Nam	09/05/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 5	8.50	7.75	9.30	0.00	0.00	25.55
114	810114	PHAN THÀNH ĐẠT	Nam	22/06/2011	THCS Hải Cường	Phòng 5	8.50	8.25	9.15	0.00	0.50	26.40
115	810115	VŨ QUỐC ĐẠT	Nam	03/11/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 5	9.50	8.50	9.65	0.00	0.00	27.65
116	810116	MAI TRẦN TRỌNG ĐIỆP	Nam	27/01/2011	THCS Hải Tân	Phòng 5	9.50	7.25	8.25	0.00	0.00	25.00
117	810117	NGUYỄN MINH ĐOÀN	Nam	24/10/2011	THCS Hải Đông	Phòng 5	8.00	8.00	8.60	0.00	0.00	24.60
118	810118	LÊ MINH ĐỨC	Nam	06/07/2011	THCS Hải Tây	Phòng 5	8.25	8.00	6.20	0.00	0.00	22.45
119	810119	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	08/06/2011	THCS Hải Triều	Phòng 5	9.25	8.75	6.45	0.00	0.00	24.45
120	810120	TRẦN MINH ĐỨC	Nam	12/07/2011	THCS Cồn	Phòng 5	8.75	7.75	7.50	0.00	0.00	24.00
121	810121	NGUYỄN THU GIANG	Nữ	08/09/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 6	8.50	9.00	8.75	0.00	0.00	26.25
122	810122	TRẦN NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	07/08/2011	THCS Hải Cường	Phòng 6	9.00	9.00	9.30	0.00	0.00	27.30
123	810123	TRẦN THỊ HÀ GIANG	Nữ	01/09/2011	THCS Hải Tân	Phòng 6	8.00	7.75	7.65	0.00	0.00	23.40
124	810124	ĐỖ THỊ THU HÀ	Nữ	02/09/2011	THCS Hải Đông	Phòng 6	7.25	8.00	6.50	0.00	0.00	21.75
125	810125	NGUYỄN THỊ NGÂN HÀ	Nữ	25/11/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 6	7.00	8.25	5.45	0.00	0.00	20.70
126	810126	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	27/05/2011	THCS Hải Tây	Phòng 6	8.50	9.00	8.35	0.00	0.00	25.85
127	810127	PHẠM THU HÀ	Nữ	17/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 6	8.00	8.75	8.80	0.00	0.00	25.55
128	810128	TRẦN NGỌC HÀ	Nữ	17/10/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 6	8.75	8.50	8.55	0.00	0.00	25.80
129	810129	BÙI ĐỨC HẢI	Nam	18/05/2011	THCS Hải Tây	Phòng 6	8.00	8.25	7.50	0.00	0.00	23.75
130	810130	ĐỖ THANH HẢI	Nam	02/01/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 6	7.50	8.25	7.70	0.00	0.00	23.45
131	810131	NGUYỄN PHƯƠNG HẠNH	Nữ	10/07/2011	THCS Hải Hậu	Phòng 6	8.75	8.25	8.65	0.00	0.00	25.65
132	810132	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	Nữ	18/03/2011	THCS Hải Cường	Phòng 6	7.50	8.75	7.15	0.00	0.00	23.40
133	810133	VŨ THANH HÀO	Nam	05/05/2011	THCS Cồn	Phòng 6	9.25	7.75	7.55	0.00	0.00	24.55
134	810134	ĐÌNH THỊ HẰNG	Nữ	01/01/2011	THCS Hải Tây	Phòng 6	8.00	9.00	6.55	0.00	0.00	23.55
135	810135	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	Nữ	30/04/2011	THCS Hải Triều	Phòng 6	8.25	9.00	5.55	0.00	0.00	22.80
136	810136	VŨ THỊ THÚY HẰNG	Nữ	24/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 6	5.50	7.75	2.75	0.00	0.00	16.00
137	810137	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	Nữ	22/03/2011	THCS Hải Quang	Phòng 6	8.00	8.00	7.50	0.00	0.00	23.50
138	810138	TRẦN VĂN HẬU	Nam	08/07/2011	THCS Hải Quang	Phòng 6	9.00	7.75	7.80	0.00	0.00	24.55

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
139	810139	MAI THANH HIỀN	Nữ	25/12/2011	THCS Hải Đông	Phòng 6	8.50	8.50	8.35	0.00	0.00	25.35
140	810140	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	Nữ	05/06/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 6	8.75	8.50	8.40	0.00	0.00	25.65
141	810141	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	25/08/2011	THCS Hải Triều	Phòng 6	7.50	8.75	7.20	0.00	0.00	23.45
142	810142	TRẦN THẢO HIỀN	Nữ	03/04/2011	THCS Hải Tây	Phòng 6	8.75	8.75	6.65	0.00	0.00	24.15
143	810143	TRẦN THỊ THẢO HIỀN	Nữ	18/03/2011	THCS Cồn	Phòng 6	8.50	8.25	8.95	0.00	0.00	25.70
144	810144	VŨ THỊ THU HIỀN	Nữ	13/11/2011	THCS Cồn	Phòng 6	8.50	8.50	7.75	0.00	0.00	24.75
145	810145	VŨ THU HIỀN	Nữ	10/02/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 7	8.75	8.75	7.25	0.00	0.00	24.75
146	810146	LÊ ĐỨC HIỀN	Nam	21/12/2011	THCS Hải Tân	Phòng 7	8.00	7.00	8.35	0.00	0.00	23.35
147	810147	NGUYỄN THẾ HIỀN	Nam	04/09/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 7	8.25	7.75	7.80	0.00	0.00	23.80
148	810148	TRẦN MINH HIỀN	Nam	24/05/2011	THCS Hải Tây	Phòng 7	8.75	7.50	6.20	0.00	0.00	22.45
149	810149	HOÀNG THANH HIỆP	Nam	18/05/2011	THCS Cồn	Phòng 7	8.75	7.75	7.85	0.00	0.00	24.35
150	810150	VŨ ĐỨC HIỆP	Nam	25/07/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 7	8.50	7.25	9.65	0.00	0.00	25.40
151	810151	BÙI MINH HIỆU	Nam	26/01/2011	THCS Hải Đông	Phòng 7	8.25	8.50	8.35	0.00	0.00	25.10
152	810152	TRẦN VIỆT HOÀN	Nam	06/10/2011	THCS Hải Tây	Phòng 7	8.50	6.75	7.00	0.00	0.00	22.25
153	810153	BÙI HUY HOÀNG	Nam	28/11/2011	THCS Cồn	Phòng 7	8.25	7.25	8.10	0.00	0.00	23.60
154	810154	MAI ĐỖ HUY HOÀNG	Nam	02/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 7	8.00	7.00	7.90	0.00	0.00	22.90
155	810155	MAI HUY HOÀNG	Nam	11/11/2011	THCS Hải Tây	Phòng 7	8.50	7.25	7.45	0.00	0.00	23.20
156	810156	NGUYỄN BẢO HOÀNG	Nữ	01/05/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 7	9.00	7.75	7.50	0.00	0.00	24.25
157	810157	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	12/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 7	7.75	8.50	8.20	0.00	0.00	24.45
158	810158	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	01/04/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 7	8.00	7.75	7.95	0.00	0.00	23.70
159	810159	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	11/04/2011	THCS Hải Triều	Phòng 7	8.75	8.25	5.85	0.00	0.00	22.85
160	810160	PHẠM VIỆT HOÀNG	Nam	05/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 7	8.50	7.50	8.40	0.00	0.00	24.40
161	810161	BÙI QUANG HỌC	Nam	25/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 7	8.75	8.25	9.10	0.00	0.00	26.10
162	810162	HOÀNG VĂN HUÂN	Nam	03/07/2011	THCS Hải Tân	Phòng 7	8.50	7.75	8.50	0.00	0.00	24.75
163	810163	NGUYỄN DUY HUÂN	Nam	05/12/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 7	8.75	8.50	9.10	0.00	0.00	26.35
164	810164	NGUYỄN MINH HUÂN	Nam	29/01/2011	THCS Hải Tây	Phòng 7	8.25	7.75	6.95	0.00	0.00	22.95
165	810165	NGUYỄN THỊ HUẾ	Nữ	20/02/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 7	9.00	8.50	8.85	0.00	0.00	26.35
166	810166	ĐÀO THẾ HÙNG	Nam	27/04/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 7	9.00	8.00	9.10	0.00	0.00	26.10
167	810167	HOÀNG PHI HÙNG	Nam	20/05/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 7	8.25	7.75	6.75	0.00	0.00	22.75
168	810168	NGUYỄN ĐẮC HÙNG	Nam	20/07/2011	THCS Hải Tây	Phòng 7	8.75	7.75	7.25	0.00	0.00	23.75
169	810169	NGUYỄN VIỆT HÙNG	Nam	23/08/2011	THCS Cồn	Phòng 8	8.50	7.75	8.25	0.00	0.00	24.50
170	810170	TRẦN HUY HÙNG	Nam	01/01/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 8	8.50	8.00	7.95	0.00	0.00	24.45
171	810171	VŨ MẠNH HÙNG	Nam	28/07/2011	THCS Cồn	Phòng 8	7.50	8.50	7.95	0.00	0.00	23.95
172	810172	CAO QUỐC HUY	Nam	16/10/2011	THCS Hải Hậu	Phòng 8	8.50	8.00	6.70	0.00	0.00	23.20
173	810173	ĐỖ GIA HUY	Nam	20/04/2011	THCS Cồn	Phòng 8	8.50	7.75	7.15	0.00	0.00	23.40

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
174	810174	NGUYỄN GIA HUY	Nam	23/10/2011	THCS Hải Tân	Phòng 8	9.00	8.00	8.00	0.00	0.00	25.00
175	810175	PHAN KHẮC GIA HUY	Nam	07/11/2011	THCS Hải Tây	Phòng 8	9.00	8.00	7.60	0.00	0.00	24.60
176	810176	TRẦN QUANG HUY	Nam	17/08/2011	THCS Hải Tân	Phòng 8	8.50	8.00	6.95	0.00	0.00	23.45
177	810177	TRỊNH QUANG HUY	Nam	22/08/2011	THCS Cồn	Phòng 8	7.50	8.25	8.35	0.00	0.00	24.10
178	810178	LÊ THANH HUYỀN	Nữ	09/02/2011	THCS Hải Quang	Phòng 8	8.00	7.50	6.20	0.00	0.00	21.70
179	810179	NGÔ LÊ THANH HUYỀN	Nữ	12/01/2011	THCS Hải Triều	Phòng 8	9.25	8.00	7.30	0.00	0.00	24.55
180	810180	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	24/02/2011	THCS Hải Tây	Phòng 8	8.50	8.00	7.40	0.00	0.00	23.90
181	810181	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	16/05/2011	THCS Hải Triều	Phòng 8	7.25	8.50	6.10	0.00	0.00	21.85
182	810182	TRẦN THỊ THU HUYỀN	Nữ	29/03/2011	THCS Hải Quang	Phòng 8	8.50	8.25	8.40	0.00	0.00	25.15
183	810183	BÙI NHẬT PHÚC HÙNG	Nam	05/10/2011	THCS Hải Tây	Phòng 8	8.50	8.50	6.25	0.00	0.00	23.25
184	810184	PHẠM GIA HÙNG	Nam	17/12/2011	THCS Cồn	Phòng 8	9.25	8.25	9.05	0.00	0.00	26.55
185	810185	TRẦN QUANG HÙNG	Nam	16/10/2011	THCS Cồn	Phòng 8	8.50	8.25	8.55	0.00	0.00	25.30
186	810186	TRỊNH GIA HÙNG	Nam	14/01/2011	THCS Hải Tân	Phòng 8	9.50	8.25	8.10	0.00	0.00	25.85
187	810187	HOÀNG THỊ MINH HƯƠNG	Nữ	21/01/2011	THCS Cồn	Phòng 8	8.25	8.25	9.05	0.00	0.00	25.55
188	810188	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	31/03/2011	THCS Hải Tân	Phòng 8	9.00	8.50	8.15	0.00	0.00	25.65
189	810189	NGUYỄN CHÍNH HỮU	Nam	24/09/2011	THCS Hải Triều	Phòng 8	8.50	8.50	6.80	0.00	0.00	23.80
190	810190	NGUYỄN TẤN KHẢI	Nam	11/01/2011	THCS Hải Triều	Phòng 8	8.75	8.00	7.65	0.00	0.00	24.40
191	810191	TRẦN MINH KHANG	Nam	26/09/2011	THCS Hải Quang	Phòng 8	8.75	8.25	8.25	0.00	0.00	25.25
192	810192	ĐINH TUẤN KHANH	Nam	10/08/2011	THCS Hải Lý	Phòng 8	8.00	8.00	5.45	0.00	0.00	21.45
193	810193	ĐỖ NGỌC NGÂN KHÁNH	Nữ	03/10/2011	THCS Hải Lý	Phòng 9	8.75	7.50	7.50	0.00	0.00	23.75
194	810194	HOÀNG NGỌC KHÁNH	Nữ	19/01/2011	THCS Hải Cường	Phòng 9	9.25	8.25	9.65	0.00	0.00	27.15
195	810195	LẠI GIA KHÁNH	Nam	15/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 9	8.75	7.50	8.10	0.00	0.00	24.35
196	810196	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	02/12/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 9	9.00	8.25	6.95	0.00	0.00	24.20
197	810197	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	18/07/2011	THCS Hải Trung	Phòng 9	9.00	8.00	8.00	0.00	0.00	25.00
198	810198	NGUYỄN THỊ HÀ KHÁNH	Nữ	28/05/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 9	8.50	8.25	7.90	0.00	0.00	24.65
199	810199	NGUYỄN THỊ NGÂN KHÁNH	Nữ	29/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 9	9.50	8.50	9.40	0.00	0.00	27.40
200	810200	PHẠM BẢO KHÁNH	Nữ	08/04/2011	THCS Hải Tây	Phòng 9	7.50	8.75	6.15	0.00	0.00	22.40
201	810201	PHẠM DUY KHIÊM	Nam	06/09/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 9	7.75	7.00	6.00	0.00	0.00	20.75
202	810202	TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	09/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 9	9.25	7.75	8.60	0.00	0.00	25.60
203	810203	TRẦN THỂ KHOA	Nam	02/02/2011	THCS Cồn	Phòng 9	7.50	6.75	7.30	0.00	0.00	21.55
204	810204	NGUYỄN ĐỨC KIÊN	Nam	26/09/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 9	7.50	7.25	5.70	0.00	0.00	20.45
205	810205	PHẠM TRUNG KIÊN	Nam	07/11/2011	THCS Hải Lý	Phòng 9	9.00	8.00	7.65	0.00	0.00	24.65
206	810206	TRẦN ĐỨC KIÊN	Nam	02/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 9	7.75	8.25	9.00	0.00	0.00	25.00
207	810207	TRẦN ANH KIẾT	Nam	14/12/2011	THCS Hải Hậu	Phòng 9	9.00	8.00	7.90	0.00	0.00	24.90
208	810208	VŨ TUẤN KIẾT	Nam	11/07/2011	THCS Cồn	Phòng 9	9.50	7.75	8.25	0.00	0.00	25.50

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
209	810209	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	Nữ	16/08/2011	THCS Hải Tân	Phòng 9	8.50	8.50	7.50	0.00	0.00	24.50
210	810210	NGUYỄN BẢO LÂM	Nam	02/04/2011	THCS Hải Triều	Phòng 9	8.00	7.75	5.85	0.00	0.00	21.60
211	810211	NGUYỄN ĐỨC LÂM	Nam	07/10/2011	THCS Hải Tây	Phòng 9	8.50	7.75	7.20	0.00	0.00	23.45
212	810212	ĐÌNH VĂN LÂN	Nam	28/07/2011	THCS Hải Đông	Phòng 9	7.75	6.50	8.75	0.00	0.00	23.00
213	810213	MAI QUANG LIÊM	Nam	12/09/2011	THCS Cồn	Phòng 9	8.50	8.75	6.70	0.00	0.00	23.95
214	810214	NGUYỄN THỊ MAI LIÊN	Nữ	15/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 9	8.00	8.00	7.80	0.00	0.00	23.80
215	810215	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN	Nữ	08/09/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 9	4.00	8.25	5.50	0.00	0.00	17.75
216	810216	NGUYỄN THỊ THÚY LIÊN	Nữ	14/03/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 9	8.50	8.25	8.15	0.00	0.00	24.90
217	810217	BÙI THỊ LINH	Nữ	04/02/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 10	8.50	8.75	8.70	0.00	0.00	25.95
218	810218	ĐỖ THỊ DIỆU LINH	Nữ	17/01/2011	THCS Hải Tây	Phòng 10	8.00	7.75	7.95	0.00	0.00	23.70
219	810219	LÊ DIỆU LINH	Nữ	28/09/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 10	4.50	7.50	4.10	0.00	0.00	16.10
220	810220	NGUYỄN DIỆU LINH	Nữ	18/05/2011	THCS Hải Tân	Phòng 10	8.25	8.25	8.45	0.00	0.00	24.95
221	810221	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	06/06/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 10	8.50	8.25	9.05	0.00	0.00	25.80
222	810222	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	Nữ	04/09/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 10	8.00	8.00	6.45	0.00	0.00	22.45
223	810223	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	13/08/2011	THCS Hải Lý	Phòng 10	8.00	8.50	7.50	0.00	0.00	24.00
224	810224	NGUYỄN THỦY LINH	Nữ	01/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 10	8.50	8.25	7.20	0.00	0.00	23.95
225	810225	PHAN PHƯƠNG LINH	Nữ	04/06/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 10	7.75	8.00	8.20	0.00	0.00	23.95
226	810226	TRẦN THỊ TUYẾT LINH	Nữ	25/07/2011	THCS Hải Triều	Phòng 10	8.50	8.75	6.50	0.00	0.00	23.75
227	810227	VŨ NGỌC DIỆU LINH	Nữ	09/10/2011	THCS Hải Triều	Phòng 10	8.75	8.00	6.50	0.00	0.00	23.25
228	810228	VŨ THỊ LINH	Nữ	12/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 10	7.75	7.75	5.35	0.00	0.00	20.85
229	810229	NGUYỄN PHÚC BẢO LONG	Nam	02/05/2011	THCS Hải Cường	Phòng 10	8.25	8.00	6.80	0.00	0.00	23.05
230	810230	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	10/05/2011	THCS Hải Tân	Phòng 10	8.25	8.00	8.95	0.00	0.00	25.20
231	810231	PHẠM GIA LONG	Nam	21/09/2011	THCS Hải Tân	Phòng 10	8.00	7.00	8.20	0.00	0.00	23.20
232	810232	PHAN THÀNH LONG	Nam	08/02/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 10	7.25	7.50	4.50	0.00	0.00	19.25
233	810233	TẠ THÀNH LONG	Nam	15/06/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 10	8.75	8.25	7.45	0.00	0.00	24.45
234	810234	TRẦN HOÀNG BẢO LONG	Nam	29/08/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 10	8.25	8.50	6.35	0.00	0.00	23.10
235	810235	NGUYỄN HẢI LỘC	Nam	14/02/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 10	7.25	7.50	5.25	0.00	0.00	20.00
236	810236	TRẦN XUÂN LỘC	Nam	23/02/2011	THCS Cồn	Phòng 10	8.50	7.75	6.65	0.00	0.00	22.90
237	810237	VŨ VĂN LỘC	Nam	16/12/2011	THCS Cồn	Phòng 10	8.50	8.00	7.85	0.00	0.00	24.35
238	810238	LƯƠNG CHÚC LUYẾN	Nữ	29/04/2011	THCS Hải Tây	Phòng 10	9.00	8.50	7.00	0.00	0.00	24.50
239	810239	HOÀNG THỊ CẨM LY	Nữ	01/11/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 10	8.25	8.00	8.95	0.00	0.00	25.20
240	810240	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	30/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 10	8.00	8.50	7.25	0.00	0.00	23.75
241	810241	NGUYỄN NGỌC LY	Nữ	24/09/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 11	8.50	8.25	7.65	0.00	0.00	24.40
242	810242	NGUYỄN THỊ CẨM LY	Nữ	06/12/2011	THCS Hải Đông	Phòng 11	7.75	8.50	7.40	0.00	0.00	23.65
243	810243	NGUYỄN THỊ THANH MAI	Nữ	01/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 11	8.25	8.75	8.50	0.00	0.00	25.50

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
244	810244	PHẠM THANH MAI	Nữ	17/02/2011	THCS Hải Đông	Phòng 11	8.50	8.50	7.75	0.00	0.00	24.75
245	810245	PHẠM TIẾN MẠNH	Nam	21/04/2011	THCS Hải Quang	Phòng 11	8.00	8.25	7.00	0.00	0.00	23.25
246	810246	ĐỖ HOÀNG MINH	Nam	20/06/2011	THCS Hải Tây	Phòng 11	8.00	8.25	3.55	0.00	0.00	19.80
247	810247	HOÀNG NHẬT MINH	Nam	23/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 11	8.75	8.75	8.00	0.00	0.00	25.50
248	810248	NGÔ TUẤN MINH	Nam	12/09/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 11	7.50	8.00	7.35	0.00	0.00	22.85
249	810249	NGUYỄN NGỌC TUẤN MINH	Nam	18/10/2011	THCS Cồn	Phòng 11	8.25	8.00	8.40	0.00	0.00	24.65
250	810250	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	05/03/2011	THCS Hải Lý	Phòng 11	7.75	8.00	7.20	0.00	0.00	22.95
251	810251	NGUYỄN TUẤN MINH	Nam	22/04/2011	THCS Hải Triều	Phòng 11	7.25	8.00	8.30	0.00	0.00	23.55
252	810252	PHẠM VĂN MINH	Nam	26/04/2011	THCS Hải Tây	Phòng 11	8.00	8.50	6.30	0.00	0.00	22.80
253	810253	VŨ NHẬT MINH	Nam	15/04/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 11	8.50	8.50	8.85	0.00	0.00	25.85
254	810254	LÊ HÀ MY	Nữ	19/02/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 11	9.00	8.75	9.10	0.00	0.00	26.85
255	810255	LƯƠNG TRÀ MY	Nữ	13/05/2011	THCS Hải Tây	Phòng 11	8.25	8.25	6.05	0.00	1.50	24.05
256	810256	NGUYỄN HÀ MY	Nữ	22/10/2011	THCS Cồn	Phòng 11	8.50	7.75	7.15	0.00	0.00	23.40
257	810257	NGUYỄN THỊ THẢO MY	Nữ	03/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 11	9.50	8.75	8.70	0.00	0.00	26.95
258	810258	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	07/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 11	8.00	8.75	6.40	0.00	0.00	23.15
259	810259	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	28/09/2011	THCS Cồn	Phòng 11	8.50	8.50	7.00	0.00	0.00	24.00
260	810260	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	02/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 11	8.50	8.75	9.65	0.00	0.00	26.90
261	810261	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	22/04/2011	THCS Hải Đông	Phòng 11	8.00	7.75	8.40	0.00	0.00	24.15
262	810262	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	01/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 11	8.25	8.75	9.05	0.00	0.00	26.05
263	810263	PHAN TRÀ MY	Nữ	30/06/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 11	8.50	8.75	8.15	0.00	0.00	25.40
264	810264	VŨ HOÀNG TRÀ MY	Nữ	29/04/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 11	8.25	8.75	8.15	0.00	0.00	25.15
265	810265	VŨ THỊ TRÀ MY	Nữ	07/10/2011	THCS Cồn	Phòng 12	8.25	8.75	6.00	0.00	0.00	23.00
266	810266	PHẠM THANH MỸ	Nữ	05/05/2011	THCS Cồn	Phòng 12	7.75	8.50	7.25	0.00	0.00	23.50
267	810267	MAI TRUNG NAM	Nam	01/07/2011	THCS Cồn	Phòng 12	8.50	8.00	8.25	0.00	0.00	24.75
268	810268	PHAN THANH NAM	Nam	15/11/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 12	7.75	8.25	8.00	0.00	0.00	24.00
269	810269	TRẦN QUANG NAM	Nam	07/12/2011	THCS Hải Đông	Phòng 12	8.25	8.00	8.65	0.00	0.00	24.90
270	810270	VŨ HOÀI NAM	Nam	07/05/2010	THCS Hải Lý	Phòng 12	8.75	9.00	6.25	0.00	0.00	24.00
271	810271	VŨ VĂN NAM	Nam	16/10/2011	THCS Hải Đông	Phòng 12	9.25	8.25	7.40	0.00	0.00	24.90
272	810272	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÁT	Nữ	12/11/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 12	7.00	8.75	5.45	0.00	0.00	21.20
273	810273	BÙI THỊ KHÁNH NGÂN	Nữ	28/01/2011	THCS Hải Đông	Phòng 12	8.50	7.75	7.40	0.00	0.00	23.65
274	810274	NGUYỄN HOÀNG ÁNH NGÂN	Nữ	18/11/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 12	9.50	8.75	7.90	0.00	0.00	26.15
275	810275	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	14/08/2011	THCS Hải Lý	Phòng 12	8.50	8.50	6.90	0.00	0.00	23.90
276	810276	NINH THỊ THU NGÂN	Nữ	16/09/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 12	7.50	8.25	8.60	0.00	0.00	24.35
277	810277	PHẠM PHƯƠNG NGÂN	Nữ	06/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 12	8.25	8.75	9.20	0.00	0.00	26.20
278	810278	VŨ HOÀNG NGÂN	Nữ	27/03/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 12	8.50	8.75	7.15	0.00	0.00	24.40

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
279	810279	VŨ KIM NGÂN	Nữ	17/07/2011	THCS Hải Tân	Phòng 12	9.25	9.00	9.10	0.00	0.00	27.35
280	810280	BÙI TRUNG NGHĨA	Nam	28/09/2011	THCS Hải Tân	Phòng 12	7.25	8.00	5.90	0.00	0.00	21.15
281	810281	TRẦN TRỌNG NGHĨA	Nam	03/11/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 12	9.00	8.50	8.85	0.00	0.00	26.35
282	810282	VŨ DUY NGHĨA	Nam	22/05/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 12	8.00	7.25	8.15	0.00	0.00	23.40
283	810283	BÙI THỊ ÁNH NGỌC	Nữ	16/04/2011	THCS Hải Đông	Phòng 12	8.00	9.00	8.25	0.00	0.00	25.25
284	810284	NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC	Nữ	04/10/2011	THCS Hải Cường	Phòng 12	8.50	9.00	7.40	0.00	0.00	24.90
285	810285	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	06/04/2011	THCS Hải Triều	Phòng 12	8.75	9.00	6.45	0.00	0.00	24.20
286	810286	PHẠM THỊ ÁNH NGỌC	Nữ	19/04/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 12	8.50	8.75	8.40	0.00	0.00	25.65
287	810287	TRẦN HUYỀN NGỌC	Nữ	21/01/2011	THCS Hải Cường	Phòng 12	5.75	8.00	6.15	0.00	0.00	19.90
288	810288	PHẠM QUỐC BÌNH NGUYỄN	Nam	01/12/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 12	8.50	7.75	8.00	0.00	0.00	24.25
289	810289	TRẦN TRỌNG NGUYỄN	Nam	09/08/2011	THCS Hải Tây	Phòng 13	8.50	8.00	8.90	0.00	0.00	25.40
290	810290	HOÀNG LONG NHẬT	Nam	23/09/2011	THCS Cồn	Phòng 13	9.25	7.75	8.95	0.00	0.00	25.95
291	810291	LÊ THÀNH NHẬT	Nam	28/02/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 13	8.75	8.75	9.00	0.00	0.00	26.50
292	810292	VŨ MINH NHẬT	Nam	23/02/2011	THCS Hải Hậu	Phòng 13	9.25	8.00	8.70	0.00	0.00	25.95
293	810293	ĐINH PHƯƠNG NHI	Nữ	18/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 13	8.00	8.25	6.40	0.00	0.00	22.65
294	810294	HOÀNG YẾN NHI	Nữ	06/02/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 13	8.25	8.00	6.85	0.00	0.00	23.10
295	810295	KIM TRẦN PHƯƠNG NHI	Nữ	03/11/2011	THCS Hải Tây	Phòng 13	8.50	7.75	6.75	0.00	0.00	23.00
296	810296	LÃ THỰC BẢO NHI	Nữ	19/05/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 13	8.75	8.50	8.10	0.00	0.00	25.35
297	810297	LẠI PHƯƠNG NHI	Nữ	12/05/2011	THCS Hải Cường	Phòng 13	7.50	8.50	7.40	0.00	0.00	23.40
298	810298	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG NHI	Nữ	07/11/2011	THCS Hải Tây	Phòng 13	7.25	8.25	5.65	0.00	0.00	21.15
299	810299	NGUYỄN NGỌC NHI	Nữ	16/08/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 13	7.25	8.75	8.50	0.00	0.00	24.50
300	810300	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	12/03/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 13	8.50	8.75	9.40	0.00	0.00	26.65
301	810301	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	27/02/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 13	9.00	8.75	9.20	0.00	0.00	26.95
302	810302	PHẠM PHƯƠNG NHI	Nữ	22/06/2011	THCS Hải Tân	Phòng 13	8.00	8.50	7.90	0.00	0.00	24.40
303	810303	PHẠM YẾN NHI	Nữ	27/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 13	9.00	8.75	7.40	0.00	0.00	25.15
304	810304	TRẦN THỊ PHƯƠNG NHI	Nữ	05/04/2011	THCS Hải Lý	Phòng 13	8.00	8.75	7.40	0.00	0.00	24.15
305	810305	VŨ LƯƠNG YẾN NHI	Nữ	01/12/2011	THCS Hải Đông	Phòng 13	8.25	8.25	7.85	0.00	0.00	24.35
306	810306	VŨ THỊ TRANG NHUNG	Nữ	15/01/2011	THCS Hải Triều	Phòng 13	8.50	8.25	7.65	0.00	0.00	24.40
307	810307	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	10/10/2011	THCS Hải Quang	Phòng 13	9.25	8.00	7.15	0.00	0.00	24.40
308	810308	MAI QUỲNH NHƯ	Nữ	01/11/2011	THCS Hải Tây	Phòng 13	7.50	8.50	7.50	0.00	0.00	23.50
309	810309	NGUYỄN THỊ TÂM NHƯ	Nữ	10/06/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 13	9.00	8.25	9.05	0.00	0.00	26.30
310	810310	NGUYỄN VŨ KHÁNH NHƯ	Nữ	06/02/2011	THCS Hải Tây	Phòng 13	7.25	7.75	4.65	0.00	0.00	19.65
311	810311	VŨ THỊ KHÁNH NHƯ	Nữ	29/04/2011	THCS Hải Lý	Phòng 13	9.50	8.75	9.65	0.00	0.00	27.90
312	810312	ĐỖ QUỐC NINH	Nam	02/05/2011	THCS Cồn	Phòng 13	8.50	7.25	8.15	0.00	0.00	23.90
313	810313	BÙI TẤN PHÁT	Nam	21/08/2011	THCS Hải Tây	Phòng 14	8.50	8.00	7.65	0.00	0.00	24.15

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
314	810314	ĐỖ TÂN PHÁT	Nam	22/09/2011	THCS Cồn	Phòng 14	9.25	8.25	8.30	0.00	0.00	25.80
315	810315	HOÀNG VĂN PHÁT	Nam	07/11/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 14	9.00	8.25	8.00	0.00	0.00	25.25
316	810316	MAI TIẾN PHÁT	Nam	30/12/2010	THCS Cồn	Phòng 14	8.25	8.25	7.55	0.00	0.00	24.05
317	810317	NGUYỄN TÂN PHÁT	Nam	26/11/2011	THCS Hải Quang	Phòng 14	8.25	8.00	7.30	0.00	0.00	23.55
318	810318	TRẦN NHUẬN PHÁT	Nam	28/03/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 14	9.50	8.50	8.95	0.00	0.00	26.95
319	810319	VŨ MINH PHÁT	Nam	23/11/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 14	8.50	8.25	8.70	0.00	0.00	25.45
320	810320	LÊ GIA PHONG	Nam	29/04/2011	THCS Cồn	Phòng 14	7.50	7.50	8.00	0.00	0.00	23.00
321	810321	NGUYỄN NAM PHONG	Nam	27/06/2011	THCS Hải Quang	Phòng 14	8.25	7.25	7.20	0.00	0.00	22.70
322	810322	NGUYỄN TÂN PHÚ	Nam	04/10/2011	THCS Hải Lý	Phòng 14	5.75	7.25	5.25	0.00	0.00	18.25
323	810323	BÙI ĐỖ TÂN PHÚC	Nam	03/02/2011	THCS Cồn	Phòng 14	8.00	8.25	7.55	0.00	0.00	23.80
324	810324	LÊ HOÀNG PHÚC	Nam	04/02/2011	THCS Hải Tân	Phòng 14	8.00	8.50	8.90	0.00	0.00	25.40
325	810325	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	22/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 14	8.25	8.25	7.40	0.00	0.00	23.90
326	810326	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nam	03/10/2011	THCS Hải Lý	Phòng 14	8.00	7.00	6.05	0.00	0.00	21.05
327	810327	NGUYỄN THIÊN PHÚC	Nam	17/02/2011	THCS Hải Triều	Phòng 14	8.50	9.00	8.40	0.00	0.00	25.90
328	810328	TRẦN HỒNG PHÚC	Nam	13/06/2011	THCS Hải Cường	Phòng 14	7.75	8.75	6.30	0.00	0.00	22.80
329	810329	TRẦN MINH PHƯỚC	Nam	26/03/2011	THCS Hải Hậu	Phòng 14	8.50	8.75	7.25	0.00	0.00	24.50
330	810330	BÙI VŨ THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	12/06/2011	THCS Hải Triều	Phòng 14	7.75	8.75	5.65	0.00	0.00	22.15
331	810331	HOÀNG HÀ PHƯƠNG	Nữ	26/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 14	7.75	8.75	6.95	0.00	0.00	23.45
332	810332	HOÀNG THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	08/03/2011	THCS Hải Đông	Phòng 14	7.25	8.75	7.15	0.00	0.00	23.15
333	810333	LƯƠNG THU PHƯƠNG	Nữ	09/03/2011	THCS Hải Tây	Phòng 14	8.50	8.50	6.80	0.00	0.00	23.80
334	810334	NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯƠNG	Nữ	18/03/2011	THCS Hải Tây	Phòng 14	8.00	8.00	4.30	0.00	0.00	20.30
335	810335	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	17/09/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 14	9.00	8.25	9.30	0.00	0.00	26.55
336	810336	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	17/09/2011	THCS Hải Tây	Phòng 14	7.00	8.75	5.55	0.00	0.00	21.30
337	810337	PHẠM THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	26/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 15	8.00	9.00	7.65	0.00	0.00	24.65
338	810338	TRẦN HÀ PHƯƠNG	Nữ	04/01/2011	THCS Hải Tây	Phòng 15	7.50	8.25	6.90	0.00	0.00	22.65
339	810339	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	12/10/2011	THCS Hải Tây	Phòng 15	8.00	8.50	7.15	0.00	0.00	23.65
340	810340	HOÀNG THỊ NGỌC PHƯƠNG	Nữ	15/03/2011	THCS Hải Đông	Phòng 15	8.00	8.25	6.80	0.00	0.00	23.05
341	810341	NGUYỄN BÍCH PHƯƠNG	Nữ	06/02/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 15	9.00	8.00	7.45	0.00	0.00	24.45
342	810342	BÙI THẾ QUANG	Nam	31/12/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 15	9.00	8.25	8.70	0.00	0.00	25.95
343	810343	ĐỖ HỒNG QUANG	Nam	20/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 15	8.50	7.75	5.50	0.00	0.00	21.75
344	810344	ĐỖ MINH QUANG	Nam	03/11/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 15	7.00	7.50	6.25	0.00	0.00	20.75
345	810345	NGUYỄN NHẬT QUANG	Nam	01/01/2011	THCS Hải Hậu	Phòng 15	8.50	8.00	8.20	0.00	0.00	24.70
346	810346	NGUYỄN PHÚ QUANG	Nam	09/02/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 15	7.25	7.50	7.40	0.00	0.00	22.15
347	810347	TRẦN XUÂN QUANG	Nam	02/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 15	8.00	8.75	8.75	0.00	0.00	25.50
348	810348	LÊ HỒNG QUÂN	Nam	09/11/2011	THCS Hải Quang	Phòng 15	8.50	6.75	7.65	0.00	0.00	22.90

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
349	810349	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	Nam	15/05/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 15	8.25	8.50	8.85	0.00	0.00	25.60
350	810350	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	24/04/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 15	8.50	6.75	7.25	0.00	0.00	22.50
351	810351	NGUYỄN THÈ QUÂN	Nam	14/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 15	8.00	8.25	7.80	0.00	0.00	24.05
352	810352	ĐÌNH TIẾN QUỐC	Nam	14/10/2011	THCS Hải Tây	Phòng 15	9.25	8.50	8.15	0.00	0.00	25.90
353	810353	LÊ CHÍ QUỐC	Nam	09/11/2011	THCS Cồn	Phòng 15	7.50	8.75	8.25	0.00	0.00	24.50
354	810354	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	24/06/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 15	9.50	8.50	9.30	0.00	0.00	27.30
355	810355	PHẠM THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	23/06/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 15	9.50	8.50	9.80	0.00	0.00	27.80
356	810356	VŨ THỊ QUỲNH	Nữ	14/04/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 15	8.25	8.00	7.30	0.00	0.00	23.55
357	810357	NGUYỄN HOÀNG SANG	Nam	01/04/2011	THCS Hải Lý	Phòng 15	9.25	7.75	8.65	0.00	0.00	25.65
358	810358	NGUYỄN NGỌC SƠN	Nam	27/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 15	9.50	8.75	8.50	0.00	0.00	26.75
359	810359	TRẦN VĂN SƠN	Nam	02/08/2011	THCS Hải Cường	Phòng 15	7.75	9.00	7.55	0.00	0.00	24.30
360	810360	ĐỖ THANH TÂM	Nữ	28/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 15	8.50	9.00	7.55	0.00	0.00	25.05
361	810361	MAI VĂN TÂM	Nam	31/01/2011	THCS Hải Lý	Phòng 16	9.50	9.00	9.10	0.00	0.00	27.60
362	810362	TRẦN THỊ MỸ TÂM	Nữ	17/11/2010	THCS Hải Lý	Phòng 16	8.00	8.50	7.05	0.00	0.00	23.55
363	810363	TRẦN DUY THÁI	Nam	24/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 16	7.50	8.50	5.00	0.00	0.00	21.00
364	810364	PHẠM THANH THÂN	Nam	08/10/2011	THCS Hải Tân	Phòng 16	8.25	8.50	7.85	0.00	0.00	24.60
365	810365	ĐÌNH THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	22/03/2011	THCS Hải Tây	Phòng 16	6.50	8.50	6.00	0.00	0.00	21.00
366	810366	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG THANH	Nữ	04/05/2011	THCS Hải Cường	Phòng 16	8.00	9.00	7.50	0.00	0.00	24.50
367	810367	NGUYỄN CÔNG THÀNH	Nam	30/05/2011	THCS Hải Quang	Phòng 16	7.75	8.00	6.45	0.00	0.00	22.20
368	810368	NGUYỄN ĐẠI THÀNH	Nam	12/11/2011	THCS Hải Quang	Phòng 16	9.00	7.75	8.70	0.00	0.00	25.45
369	810369	NGUYỄN HOÀNG CHÍ THÀNH	Nam	19/06/2011	THCS Hải Lý	Phòng 16	8.75	8.75	8.75	0.00	0.00	26.25
370	810370	PHẠM ĐỨC THÀNH	Nam	10/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 16	8.00	8.50	5.80	0.00	0.00	22.30
371	810371	PHẠM TIẾN THÀNH	Nam	19/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 16	8.00	8.75	7.85	0.00	0.00	24.60
372	810372	VŨ TIẾN THÀNH	Nam	30/09/2011	THCS Hải Tân	Phòng 16	7.00	8.25	7.40	0.00	0.00	22.65
373	810373	LƯƠNG THU THẢO	Nữ	28/10/2011	THCS Hải Quang	Phòng 16	8.25	8.75	7.15	0.00	0.00	24.15
374	810374	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/05/2011	THCS Hải Quang	Phòng 16	8.00	8.75	7.50	0.00	0.00	24.25
375	810375	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	06/01/2011	THCS Hải Đông	Phòng 16	7.50	8.75	7.25	0.00	0.00	23.50
376	810376	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	07/08/2011	THCS Hải Đông	Phòng 16	8.25	8.75	8.25	0.00	0.00	25.25
377	810377	NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO	Nữ	01/06/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 16	9.00	9.00	7.40	1.00	0.00	26.40
378	810378	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	25/11/2011	THCS Hải Cường	Phòng 16	8.25	8.75	7.65	0.00	0.00	24.65
379	810379	TRẦN THỊ BÍCH THẢO	Nữ	18/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 16	8.25	8.50	7.90	0.00	0.00	24.65
380	810380	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	24/05/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 16	7.75	8.50	7.25	0.00	0.00	23.50
381	810381	VŨ HOÀNG MINH THẮNG	Nam	03/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 16	8.50	8.75	8.80	0.00	0.00	26.05
382	810382	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	Nam	13/04/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 16	9.50	9.25	9.05	0.00	0.00	27.80
383	810383	BÙI QUANG THIỆN	Nam	10/09/2011	THCS Hải Đông	Phòng 16	9.25	8.50	7.35	0.00	0.00	25.10

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
384	810384	NGUYỄN ĐỨC THIỆN	Nam	23/11/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 16	8.50	9.00	8.95	0.00	0.00	26.45
385	810385	VŨ NGỌC THIỆN	Nam	31/10/2011	THCS Hải Quang	Phòng 17	7.75	8.50	6.35	0.00	0.00	22.60
386	810386	ĐỖ QUỐC THỊNH	Nam	22/05/2011	THCS Cồn	Phòng 17	8.50	8.50	8.85	0.00	0.00	25.85
387	810387	NGUYỄN HÙNG THỊNH	Nam	30/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 17	7.75	8.25	6.75	0.00	0.00	22.75
388	810388	PHẠM ĐỨC THỊNH	Nam	22/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 17	9.50	8.25	8.00	0.00	0.00	25.75
389	810389	NGUYỄN MINH THÔNG	Nam	12/10/2011	THCS Hải Triều	Phòng 17	9.25	8.00	6.65	0.00	0.00	23.90
390	810390	VŨ THỊ ANH THO	Nữ	26/05/2011	THCS Hải Quang	Phòng 17	8.25	7.75	7.15	0.00	0.00	23.15
391	810391	NGUYỄN HỒNG THU	Nữ	10/11/2011	THCS Cồn	Phòng 17	8.00	8.75	8.60	0.00	0.00	25.35
392	810392	TRẦN THỊ HƯƠNG THU	Nữ	04/06/2011	THCS Hải Tây	Phòng 17	7.75	8.75	6.75	0.00	0.00	23.25
393	810393	LÊ MINH THUẬN	Nam	15/01/2011	THCS Hải Tây	Phòng 17	8.75	8.75	8.50	0.00	0.00	26.00
394	810394	TRẦN ĐỨC THUẬN	Nam	24/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 17	7.25	7.75	7.25	0.00	0.00	22.25
395	810395	PHẠM THANH THUỶ	Nữ	02/03/2011	THCS Hải Lý	Phòng 17	8.75	8.50	8.00	0.00	0.00	25.25
396	810396	PHẠM PHƯƠNG THÙY	Nữ	23/10/2011	THCS Hải Tân	Phòng 17	8.50	8.00	8.25	0.00	0.00	24.75
397	810397	TRẦN THỊ PHƯƠNG THÙY	Nữ	31/08/2011	THCS Hải Triều	Phòng 17	7.50	8.50	4.70	0.00	0.00	20.70
398	810398	NGUYỄN THỊ NGỌC THỦY	Nữ	02/10/2011	THCS Hải Lý	Phòng 17	7.50	8.50	5.55	0.00	0.00	21.55
399	810399	NGUYỄN THU THỦY	Nữ	30/01/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 17	8.50	8.75	8.20	0.00	0.00	25.45
400	810400	LƯƠNG PHƯƠNG THÚY	Nữ	22/09/2011	THCS Hải Tây	Phòng 17	8.25	8.50	7.35	0.00	0.00	24.10
401	810401	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	10/08/2011	THCS Hải Triều	Phòng 17	8.25	8.50	6.75	0.00	0.00	23.50
402	810402	BÙI MINH THƯ	Nữ	13/11/2011	THCS Hải Tây	Phòng 17	8.50	8.00	6.75	0.00	0.00	23.25
403	810403	ĐINH MINH THƯ	Nữ	21/11/2011	THCS Hải Tân	Phòng 17	9.00	9.00	8.10	0.00	0.00	26.10
404	810404	ĐINH THỊ MINH THƯ	Nữ	18/12/2011	THCS Hải Hưng	Phòng 17	3.25	7.25	6.75	0.00	0.00	17.25
405	810405	ĐỖ ANH THƯ	Nữ	26/11/2011	THCS Cồn	Phòng 17	7.75	8.75	8.85	0.00	0.00	25.35
406	810406	ĐỖ ANH THƯ	Nữ	22/02/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 17	9.00	8.25	9.65	0.00	0.00	26.90
407	810407	HOÀNG THỊ MINH THƯ	Nữ	27/09/2011	THCS Cồn	Phòng 17	8.50	8.50	9.15	0.00	0.00	26.15
408	810408	LÊ DIỆP THƯ	Nữ	31/01/2011	THCS Hải Quang	Phòng 17	8.50	8.50	8.10	0.00	0.00	25.10
409	810409	LÊ THỊ ANH THƯ	Nữ	17/11/2011	THCS Hải Cường	Phòng 18	7.50	8.75	7.80	0.00	0.00	24.05
410	810410	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	05/03/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 18	8.25	7.50	7.80	0.00	0.00	23.55
411	810411	NGUYỄN MAI ANH THƯ	Nữ	10/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 18	9.25	8.75	8.70	0.00	0.00	26.70
412	810412	NGUYỄN PHẠM ANH THƯ	Nữ	09/01/2011	THCS Cồn	Phòng 18	7.50	8.25	5.55	0.00	0.00	21.30
413	810413	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	11/03/2011	THCS Cồn	Phòng 18	8.25	8.00	8.70	0.00	0.00	24.95
414	810414	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	Nữ	10/12/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 18	8.50	8.50	8.10	0.00	0.00	25.10
415	810415	PHẠM ANH THƯ	Nữ	28/08/2011	THCS Cồn	Phòng 18	6.75	7.75	7.25	0.00	0.00	21.75
416	810416	PHẠM ANH THƯ	Nữ	12/08/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 18	8.00	8.25	5.00	0.00	0.00	21.25
417	810417	TRẦN ANH THƯ	Nữ	12/12/2011	THCS Cồn	Phòng 18	8.00	9.00	8.50	0.00	0.00	25.50
418	810418	TRẦN ANH THƯ	Nữ	18/06/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 18	8.00	8.75	9.35	0.00	0.00	26.10

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
419	810419	TRẦN ANH THU	Nữ	28/10/2011	THCS Hải Quang	Phòng 18	7.75	7.25	7.05	0.00	0.00	22.05
420	810420	TRẦN MINH THU	Nữ	26/09/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 18	6.75	8.00	6.80	0.00	0.00	21.55
421	810421	TRẦN MINH THU	Nữ	13/03/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 18	9.00	8.50	7.25	0.00	0.00	24.75
422	810422	TRẦN NGUYỄN ANH THU	Nữ	01/05/2011	THCS Cồn	Phòng 18	8.25	7.75	8.00	0.00	0.00	24.00
423	810423	VŨ ANH THU	Nữ	15/10/2011	THCS Cồn	Phòng 18	7.50	8.25	8.50	0.00	0.00	24.25
424	810424	VŨ NGỌC ANH THU	Nữ	25/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 18	6.75	7.25	4.50	0.00	0.00	18.50
425	810425	VƯƠNG ANH THU	Nữ	17/07/2011	THCS Cồn	Phòng 18	7.75	8.25	8.95	0.00	0.00	24.95
426	810426	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	Nữ	21/05/2011	THCS Hải Cường	Phòng 18	7.75	8.00	8.20	0.00	0.00	23.95
427	810427	NGUYỄN THANH TIẾN	Nam	10/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 18	8.50	7.25	7.65	0.00	0.00	23.40
428	810428	NGUYỄN XUÂN TIẾN	Nam	06/01/2011	THCS Hải Tây	Phòng 18	6.50	8.75	8.45	0.00	0.00	23.70
429	810429	TRẦN NGỌC CÔNG TIẾN	Nam	25/03/2011	THCS Hải Tây	Phòng 18	8.75	7.50	6.25	0.00	0.00	22.50
430	810430	VŨ NGỌC TIẾN	Nam	09/04/2011	THCS Hải Tây	Phòng 18	8.50	8.25	7.00	0.00	0.00	23.75
431	810431	PHẠM ĐỨC TIỆP	Nam	27/02/2011	THCS Cồn	Phòng 18	8.50	8.25	8.80	0.00	0.00	25.55
432	810432	ĐINH ĐỨC TOÀN	Nam	01/05/2011	THCS Hải Quang	Phòng 18	8.50	7.75	5.50	0.00	0.00	21.75
433	810433	BÙI QUỐC TOÀN	Nam	10/02/2011	THCS Hải Đông	Phòng 19	9.25	8.50	8.50	0.00	0.00	26.25
434	810434	BÙI HƯƠNG TRÀ	Nữ	08/05/2011	THCS Hải Tây	Phòng 19	7.25	8.00	6.95	0.00	0.00	22.20
435	810435	NGUYỄN THỊ TRÀ	Nữ	13/04/2011	THCS Hải Tây	Phòng 19	8.50	8.50	6.80	0.00	0.00	23.80
436	810436	BÙI ĐẶNG THU TRANG	Nữ	09/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 19	8.75	9.00	8.95	0.00	0.00	26.70
437	810437	BÙI THU TRANG	Nữ	11/05/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 19	8.25	9.25	8.20	0.00	0.00	25.70
438	810438	LÂM HUYỀN TRANG	Nữ	19/02/2011	THCS Hải Quang	Phòng 19	8.50	9.00	8.05	0.00	0.00	25.55
439	810439	LÊ KIỀU TRANG	Nữ	02/01/2011	THCS Hải Cường	Phòng 19	7.00	9.00	7.10	0.00	0.00	23.10
440	810440	MAI THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	15/01/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 19	9.00	9.25	7.70	0.00	0.00	25.95
441	810441	NGUYỄN THỊ ÁNH TRANG	Nữ	14/04/2011	THCS Hải Tân	Phòng 19	8.50	8.25	6.70	0.00	0.00	23.45
442	810442	NGUYỄN THỊ BẢO TRANG	Nữ	06/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 19	8.50	9.00	8.30	0.00	0.00	25.80
443	810443	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	31/08/2011	THCS Hải Triều	Phòng 19	8.00	9.00	6.60	0.00	0.00	23.60
444	810444	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	04/11/2011	THCS Hải Triều	Phòng 19	7.50	9.25	5.85	0.00	0.00	22.60
445	810445	NGUYỄN THỊ THỦY TRANG	Nữ	01/01/2011	THCS Hải Tân	Phòng 19	8.50	8.75	7.70	0.00	0.00	24.95
446	810446	NGUYỄN THỦY TRANG	Nữ	27/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 19	7.75	8.00	4.00	0.00	0.00	19.75
447	810447	PHẠM QUỲNH TRANG	Nữ	22/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 19	9.00	9.00	7.60	0.00	0.00	25.60
448	810448	PHẠM THU TRANG	Nữ	14/10/2011	THCS Hải Tây	Phòng 19	8.25	9.00	8.15	0.00	0.00	25.40
449	810449	TRẦN THỊ THU TRANG	Nữ	16/02/2011	THCS Hải Lý	Phòng 19	6.00	7.75	5.00	0.00	0.00	18.75
450	810450	VŨ THÙY TRANG	Nữ	15/09/2011	THCS Hải Tân	Phòng 19	7.50	7.75	7.05	0.00	0.00	22.30
451	810451	BÙI BẢO TRÂM	Nữ	16/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 19	9.00	8.50	8.80	0.00	0.00	26.30
452	810452	PHẠM NGUYỄN BẢO TRÂM	Nữ	10/11/2011	THCS Cồn	Phòng 19	8.00	8.75	8.30	0.00	0.00	25.05
453	810453	PHẠM THỊ BẢO TRÂM	Nữ	11/06/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 19	9.50	9.00	9.15	0.00	0.00	27.65

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
454	810454	PHẠM THUỶ TRÂM	Nữ	04/10/2011	THCS Hải Cường	Phòng 19	8.75	8.75	9.65	0.00	0.00	27.15
455	810455	VŨ BẢO TRÂM	Nữ	19/03/2011	THCS Hải Hậu	Phòng 19	9.50	9.00	9.30	0.00	0.00	27.80
456	810456	LÊ QUỐC TRIỆU	Nam	13/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 19	7.50	8.50	7.50	0.00	0.00	23.50
457	810457	ĐỖ THỊ TUYẾT TRINH	Nữ	20/05/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 20	8.00	9.00	8.55	0.00	0.00	25.55
458	810458	NGUYỄN KIỀU TRINH	Nữ	07/11/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 20	7.25	8.50	7.75	0.00	0.00	23.50
459	810459	NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH	Nữ	11/11/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 20	7.75	8.75	8.60	0.00	0.00	25.10
460	810460	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH	Nữ	21/04/2011	THCS Hải Cường	Phòng 20	8.50	9.25	8.35	0.00	0.00	26.10
461	810461	BÙI PHÚ TRỌNG	Nam	16/11/2011	THCS Hải Tây	Phòng 20	8.50	8.00	5.70	0.00	0.00	22.20
462	810462	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	22/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 20	8.00	8.50	7.50	0.00	0.00	24.00
463	810463	VŨ THỊ THANH TRÚC	Nữ	17/05/2011	THCS Hải Triều	Phòng 20	9.00	8.50	6.95	0.00	0.00	24.45
464	810464	VŨ VĂN TRUNG	Nam	24/05/2011	THCS Hải Đông	Phòng 20	8.25	8.50	8.35	0.00	0.00	25.10
465	810465	NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG	Nam	01/01/2011	THCS Hải Lý	Phòng 20	9.50	8.50	8.00	0.00	0.00	26.00
466	810466	NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG	Nam	02/10/2011	THCS Cồn	Phòng 20	8.50	7.75	9.65	0.00	0.00	25.90
467	810467	PHẠM THANH TRƯỜNG	Nam	03/05/2011	THCS Cồn	Phòng 20	8.00	7.75	7.05	0.00	0.00	22.80
468	810468	ĐINH VĂN TỬ	Nam	22/08/2011	THCS Hải Tây	Phòng 20	7.50	8.50	6.50	0.00	0.00	22.50
469	810469	LƯƠNG THỊ CẨM TÚ	Nữ	17/06/2011	THCS Hải Quang	Phòng 20	7.25	7.75	6.25	0.00	0.00	21.25
470	810470	NGÔ TUẤN TÚ	Nam	12/09/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 20	7.75	8.25	6.85	0.00	0.00	22.85
471	810471	TRẦN CẨM TÚ	Nữ	23/05/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 20	8.50	7.75	5.75	0.00	0.00	22.00
472	810472	VŨ TUẤN TÚ	Nam	28/05/2011	THCS Hải Quang	Phòng 20	5.75	5.00	4.00	0.00	0.00	14.75
473	810473	NGUYỄN MẠNH TUÂN	Nam	27/09/2011	THCS Cồn	Phòng 20	8.50	8.00	8.60	0.00	0.00	25.10
474	810474	MAI ANH TUẤN	Nam	07/04/2011	THCS Hải Tân	Phòng 20	8.50	7.75	8.25	0.00	0.00	24.50
475	810475	NGUYỄN QUỐC TUẤN	Nam	14/06/2011	THCS Hải Tây	Phòng 20	7.50	7.50	7.55	0.00	0.00	22.55
476	810476	LÊ VĂN TỬ	Nam	11/03/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 20	8.75	7.75	7.00	0.00	0.00	23.50
477	810477	ĐỖ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	05/01/2011	THCS Hải Tây	Phòng 20	7.50	8.75	7.00	0.00	0.00	23.25
478	810478	LÂM THỊ NHẢ UYÊN	Nữ	06/10/2011	THCS Hải Quang	Phòng 20	9.25	7.75	7.45	0.00	0.00	24.45
479	810479	NGUYỄN THỊ TỎ UYÊN	Nữ	02/02/2011	THCS Cồn	Phòng 20	8.50	8.75	6.20	0.00	0.00	23.45
480	810480	TRẦN THỊ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	26/05/2011	THCS Hải Tây	Phòng 20	8.75	8.50	8.75	0.00	0.00	26.00
481	810481	NGUYỄN THỊ MỸ VÂN	Nữ	04/08/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 21	8.75	8.25	8.85	0.00	0.00	25.85
482	810482	NINH THỊ THẢO VÂN	Nữ	31/10/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 21	8.50	8.25	9.10	0.00	0.00	25.85
483	810483	TRẦN THỊ THẢO VÂN	Nữ	16/03/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 21	8.25	8.75	9.30	0.00	0.00	26.30
484	810484	PHẠM KIỀU VI	Nữ	28/08/2011	THCS Hải Tây	Phòng 21	8.00	8.00	4.70	0.00	0.00	20.70
485	810485	ĐINH ĐỨC VIỆT	Nam	02/05/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 21	9.50	8.50	8.70	0.00	0.00	26.70
486	810486	LÃ NGỌC VIỆT	Nam	15/04/2011	THCS Cồn	Phòng 21	8.50	8.50	8.70	0.00	0.00	25.70
487	810487	NGUYỄN PHÚ VIỆT	Nam	22/07/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 21	8.00	8.50	5.70	0.00	0.00	22.20
488	810488	TRẦN ĐỨC VIỆT	Nam	18/03/2011	THCS Hải Triều	Phòng 21	8.75	7.75	4.00	0.00	0.00	20.50

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
489	810489	TRẦN QUANG VINH	Nam	24/05/2011	THCS Hải Tây	Phòng 21	8.75	8.50	7.55	0.00	0.00	24.80
490	810490	LÊ MINH VŨ	Nam	06/05/2011	THCS Hải Tân	Phòng 21	8.50	8.00	6.80	0.00	0.00	23.30
491	810491	NGUYỄN HOÀNG VŨ	Nam	24/11/2011	THCS Cồn	Phòng 21	8.50	8.50	8.60	0.00	0.00	25.60
492	810492	ĐOÀN HÀ VY	Nữ	23/12/2011	THCS Hải Tây	Phòng 21	8.00	8.50	7.25	0.00	0.00	23.75
493	810493	ĐỖ PHƯƠNG VY	Nữ	26/12/2011	THCS Cồn	Phòng 21	8.50	8.50	8.45	0.00	0.00	25.45
494	810494	HOÀNG VŨ LÊ VY	Nữ	23/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 21	9.25	8.50	7.60	0.00	0.00	25.35
495	810495	LÊ NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	03/12/2011	THCS Hải Tây	Phòng 21	9.00	8.50	7.35	0.00	0.00	24.85
496	810496	LÊ THỊ PHƯƠNG VY	Nữ	10/08/2011	THCS Hải Sơn	Phòng 21	9.00	8.50	8.70	0.00	0.00	26.20
497	810497	LÊ THỊ THẢO VY	Nữ	03/01/2011	THCS Cồn	Phòng 21	8.50	9.00	7.75	0.00	0.00	25.25
498	810498	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG VY	Nữ	02/01/2011	THCS Hải Tây	Phòng 21	8.50	8.75	8.65	0.00	0.00	25.90
499	810499	NGUYỄN HÀ VY	Nữ	20/07/2011	THCS Hải Cường	Phòng 21	8.00	8.50	7.90	0.00	0.00	24.40
500	810500	NGUYỄN HÀ VY	Nữ	15/11/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 22	8.50	7.00	7.50	0.00	0.00	23.00
501	810501	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	29/10/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 22	7.75	8.25	7.45	0.00	0.00	23.45
502	810502	PHAN THẢO VY	Nữ	09/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI LÝ	Phòng 22	8.25	7.75	6.50	0.00	0.00	22.50
503	810503	TRẦN BẢO VY	Nữ	27/02/2011	THCS Hải Tây	Phòng 22	8.25	8.00	8.75	0.00	0.00	25.00
504	810504	TRẦN THẢO VY	Nữ	11/07/2011	THCS Hải Tây	Phòng 22	8.75	8.50	8.95	0.00	0.00	26.20
505	810505	VŨ TƯỜNG VY	Nữ	27/07/2011	THCS Hải Đông	Phòng 22	8.50	8.25	8.45	0.00	0.00	25.20
506	810506	MAI HÙNG VỸ	Nam	17/08/2011	THCS Cồn	Phòng 22	8.50	7.75	8.25	0.00	0.00	24.50
507	810507	PHẠM THANH XUÂN	Nữ	17/02/2011	THCS Hải Đông	Phòng 22	8.75	8.50	8.00	0.00	0.00	25.25
508	810508	BÙI THỊ HỒNG XUYỀN	Nữ	17/09/2011	THCS Cồn	Phòng 22	9.50	8.00	8.20	0.00	0.00	25.70
509	810509	MAI VŨ HẢI YẾN	Nữ	22/12/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 22	8.00	8.25	8.95	0.00	0.00	25.20
510	810510	NGÔ HẢI YẾN	Nữ	09/09/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 22	7.75	8.50	7.80	0.00	0.00	24.05
511	810511	NGÔ THỊ HẢI YẾN	Nữ	16/10/2011	THCS Hải Tân	Phòng 22	8.25	8.25	7.40	0.00	0.00	23.90
512	810512	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	22/12/2011	THCS Hải Tây	Phòng 22	8.00	8.75	7.25	0.00	0.00	24.00
513	810513	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	22/05/2011	THCS Hải Phương	Phòng 22	7.50	7.50	7.40	0.00	0.00	22.40
514	810514	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	05/01/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 22	9.50	8.50	8.80	0.00	0.00	26.80
515	810515	NGUYỄN THỊ THU YẾN	Nữ	02/04/2011	TRƯỜNG THCS HẢI XUÂN	Phòng 22	8.50	8.00	8.50	0.00	0.00	25.00
516	810516	PHẠM THỊ HẢI YẾN	Nữ	25/03/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 22	8.50	8.50	8.35	0.00	0.00	25.35
517	810517	VŨ HẢI YẾN	Nữ	16/09/2011	THCS Hải Hòa	Phòng 22	8.25	8.50	7.50	0.00	0.00	24.25